

Bản án số: 23 /2023/HS-ST
Ngày: 08 /06/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Võ Minh Quang

2 Bà Đào Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 06 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/TLST-HS ngày 11 tháng 15 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 05 năm 2023, đối với bị cáo:

*** Lê Văn Ch,** sinh ngày: 02/12/1987; giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký thường trú: ấp Q, xã B, huyện H, tỉnh E; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Lê Văn Xứ (Đã chết) và bà Phạm Thị Rê, sinh năm 1946; Bị cáo có 04 anh chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1967, nhỏ nhất sinh năm 1989. Bị cáo có vợ tên là Nguyễn Thị Hồng Hạnh, sinh năm 1985, nơi cư trú: ấp Tân Thanh 3, xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, tỉnh E. Bị cáo có 02 người con, sinh năm 2016 và sinh năm 2021. Quá trình hoạt động: Từ nhỏ đến nay sống cùng gia đình tại xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri cho đến ngày phạm tội.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh” trong giai đoạn điều tra từ ngày 27/02/2023 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Người bị hại:** Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh E.

Chị Nguyễn Thị Kim C1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp An Định 2, xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh E

- Trần Thanh H, sinh năm 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp An Định 1, xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh E

** Người làm chứng:* Phạm Văn Nh, sinh năm 1966 (Vắng)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tị, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 21/12/2022, Lê Văn Ch, sinh năm 1987, điều khiển xe gắn máy biển số 71FD - 0202 đi từ xã Tân Xuân, huyện Ba Tri đến xã Phú Long, huyện B để làm thuê. Đến khoảng 06 giờ 50 phút, khi đi ngang quán cà phê “Điểm Hẹn” của chị Nguyễn Thị Kim C1, thuộc ấp Bình Thạnh 3, xã Thạnh Trị, huyện B, thì Ch thấy vợ chồng chị C1 đang đóng cửa rào và điều khiển xe rời khỏi quán, Ch liền nảy sinh ý định đột nhập vào quán tìm tài sản để trộm. Ch dựng xe bên lề đường cách quán khoảng 06 mét, đi bộ đến quán, quan sát thấy không có người nên Ch mở cửa rào rồi sau đó mở cửa chính đi vào bên trong (cả hai cửa đều khép lại không khóa). Ch thấy trên đầu giường có 01 điện thoại di động cảm ứng, hiệu OPPO A31, nên lấy bỏ vào túi quần bên phải. Ch tiếp tục thấy trên bàn tròn có 01 điện thoại di động cảm ứng, hiệu OPPO RENO 5, nên lấy bỏ vào túi quần bên phải. Quan sát tiếp thì thấy có 01 túi nylon màu trắng máng trên vách nhà, cạnh giường ngủ, bên trong có 300.000 đồng nên Ch lấy hết số tiền trên rồi bỏ vào túi áo phía trên bên trái. Sau đó, Ch đi ra ngoài, thì thấy có 01 camera gắn trên cây cột cạnh quầy bán nước, nên đã rút chui nguồn của camera ra khỏi ổ điện. Sau khi trộm xong, Ch mang điện thoại OPPO A31 đến cửa hàng điện thoại “Minh Đ” của anh Huỳnh Minh Đ, thuộc ấp An Định 2, xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, cầm được số tiền 500.000 đồng, mang điện thoại OPPO RENO 5 đến cửa hàng điện thoại “Thanh H” của anh Trần Thanh H, thuộc ấp An Định 1, xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, cầm được số tiền 700.000 đồng.

Công an xã Thạnh Trị, huyện B tiến hành xác minh thì phát hiện Lê Văn Ch là người thực hiện hành vi trộm cắp trên và thu giữ vật chứng gồm:

- Số tiền 969.000 đồng;
- 01 xe gắn máy biển số 71FD-0202;
- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31;
- 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 5;

- 01 áo thun dài tay, màu xanh lá cây, có túi áo phía trước bên trái;
- 01 quần thun dài, màu xanh đen;
- 01 đôi dép bằng nhựa, màu trắng;
- 1 mũ bảo hiểm màu xanh, có sọc màu xanh - trắng - đỏ, hai bên mũ có logo ghi chữ “FRANCE”.

Tại Bản kết luận định giá số 02/KL- HĐĐGTS ngày 10/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 (mua năm 2018), bị nứt màn hình có giá trị 1.500.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 5 mua năm 2022, bị nứt màn hình có giá trị 3.800.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 5.300.000 đồng.

Qua điều tra, xác định xe gắn máy biển số 71FD - 0202 là của vợ chồng bà Phạm Thị Rê (cha mẹ Ch), việc Ch sử dụng xe đi trộm cắp tài sản bà Rê hoàn toàn không biết, bà có yêu cầu nhận lại xe. Ngày 21/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trao trả xe 71FD -0202 cho bà Rê.

Ngày 08/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả số tiền 300.000 đồng; 01 điện thoại di động OPPO A31, 01 điện thoại di động OPPO Reno 5 cho bị hại là bà Nguyễn Thị Kim C1. Hiện tại, bà C1 không có yêu cầu gì thêm và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ngày 23/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trao trả số tiền 669.000 đồng cho anh Trần Thanh H (bồi thường số tiền mà anh H đã bỏ ra để cầm điện thoại). Ch đã bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Minh Đ số tiền 500.000 đồng. Hiện tại, anh Đ, anh H không có yêu cầu gì thêm và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKSBD ngày 10 tháng 05 năm 2023 Viện Kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Lê Văn Ch về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận:

- Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lê Văn Ch và đề nghị Hội đồng tuyên bố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản b, h, i, s khoản 1, Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn Ch mức án tù 06 (Sáu) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm đến 02 (hai) năm, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- *Về trách nhiệm dân sự:* bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không xét đến.

- *Về xử lý vật chứng:* Không còn giá trị sử dụng và tại tòa bị cáo không nhận lại yêu cầu tiêu hủy nên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy 01 áo thun dài tay, màu xanh lá cây, có túi áo phía

trước bên trái; 01 quần thun dài, màu xanh đen; 01 đôi dép bằng nhựa, màu trắng; 01 mũ bảo hiểm màu xanh, có sọc màu xanh - trắng - đỏ, hai bên mũ có lôgô ghi chữ “FRANCE”.

Xe gắn máy biển số 71FD-0202 là của vợ chồng bà Phạm Thị Rê (cha mẹ Ch), Ch thường xuyên sử dụng làm phương tiện đi lại, việc Ch dùng xe đi trộm cắp tài sản, bà Rê hoàn toàn không biết, cho nên không xem xét xử lý đối với bà Rê. Hiện tại bà Rê đã nhận lại xe gắn máy biển số 71FD-0202.

Riêng đối với anh Huỳnh Minh Đ, Trần Thanh H có cầm các điện thoại của Ch mang đến. Khi cầm các tài sản trên hai anh đều không biết đây là tài sản do Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản” mà có nên không xử lý hành vi của anh Đ, H là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn Ch khai nhận: Do hoàn cảnh khó khăn, nên mới nảy sinh ý định trộm cắp. Bị cáo xác định bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng, không có ý kiến gì.

Quá trình điều tra bị hại bà Nguyễn Thị Kim C1 trình bày bà đã nhận lại toàn bộ tài sản đã bị mất nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án vì đã có lời khai ở cơ quan điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị hại là phù hợp theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự.

[3] Về hành vi Bị cáo: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn Ch đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với các tình tiết của vụ án cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của bị hại cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Ch đã có hành vi lợi dụng lúc sơ hở tài sản không người trong coi đã lấy trộm của bà Nguyễn Thị Kim C1 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31; 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 5 và số tiền 300.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá số 02/KL- HĐĐGTS ngày 10/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận:

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 (mua năm 2018), bị nứt màn hình có giá trị 1.500.000 đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 5 mua năm 2022, bị nứt màn hình có giá trị 3.800.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm là: 5.600.000 đồng (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng)

[4] Xét hành vi của bị cáo Lê Văn Ch là nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động bình thường của nhân dân, gây tâm lý hoang mang lo sợ, cho người dân nơi bị cáo sinh sống cũng như làm mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, H quả làm tổn thất vật chất của người khác, ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương. Trước trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận biết được việc lén lút lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án. Do động cơ tư lợi bất chính nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Cáo trạng số 25/CT-VKSBD ngày 10/05/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E đã truy tố bị cáo về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[5] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt không có tiền án tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho thấy: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ, được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về điều kiện cho người bị kết án phạt tù được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Ch có đủ các điều kiện theo hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán

Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Cụ thể khung hình phạt bị xử phạt bị cáo không quá 03 năm tù, bị cáo có nhân thân tốt, có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, trên cơ sở xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, động cơ và mục đích phạm tội. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ tính răn đe của pháp luật, bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo tại địa phương không gây nguy hiểm, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là bà Nguyễn Thị Kim C1 đã nhận lại toàn bộ tài sản là số tiền 300.000 đồng; 01 điện thoại di động OPPO A31, 01 điện thoại di động OPPO Reno 5, đồng thời bà C1 không có yêu cầu gì nên không đặt vấn đề giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại số tiền đã bỏ ra để cầm điện thoại, cụ thể anh Trần Thanh H đã nhận lại 669.000 đồng; anh Huỳnh Minh Đ đã nhận lại số tiền 500.000 đồng. Hiện tại, anh Đ, anh H không có yêu cầu gì thêm nên không đặt vấn đề giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Tại tòa bị cáo trình bày tài sản không còn giá trị sử dụng không yêu cầu nhận lại. Nên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình tịch thu và tiêu hủy 01 áo thun dài tay, màu xanh lá cây, có túi áo phía trước bên trái; 01 quần thun dài, màu xanh đen; 01 đôi dép bằng nhựa, màu trắng; 01 mũ bảo hiểm màu xanh, có sọc màu xanh - trắng - đỏ, hai bên mũ có lôgô ghi chữ “FRANCE”.

[11] Riêng đối với xe gắn máy biển số 71FD-0202 là của vợ chồng bà Phạm Thị Rê (cha mẹ Ch), Ch thường xuyên sử dụng làm phương tiện đi lại, việc Ch dùng xe đi trộm cắp tài sản, bà Rê hoàn toàn không biết, cho nên không xem xét xử lý đối với bà Rê.

Riêng đối với anh Huỳnh Minh Đ, Trần Thanh H, có cầm các điện thoại của Ch mang đến. Khi cầm các tài sản trên, hai anh đều không biết đây là tài sản do Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản” mà có nên không xử lý hành vi của anh Đ, H là đúng pháp luật.

[12] Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú số 17/2023/HSST-LCCT ngày 12/05/2023 của Tòa án nhân dân huyện B. Tuy nhiên bị cáo bị phạt tù cho hưởng án treo nên cần thiết phải hủy biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đã áp dụng cho bị cáo là phù hợp điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự.

[13] Lời kết luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên đề nghị về tội danh, hình phạt phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[14] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Lê Văn Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 36, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Ch 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời gian thử thách bắt đầu tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 08/06/2023.

Giao bị cáo Lê Văn Ch cho Ủy ban nhân dân xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh E giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, 92 Luật thi hành án hình sự.

[2] Về trách nhiệm dân sự: bị hại Nguyễn Thị Kim C1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Minh Đ, Trần Thanh H đã nhận lại toàn bộ tài sản nên không xem xét giải quyết.

[3] Về biện pháp ngăn chặn điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 17/2023/HSST-LCCT ngày 12/05/2023 của Tòa án nhân dân huyện B đối với bị cáo Lê Văn Ch.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu và tiêu hủy 01 áo thun dài tay, màu xanh lá cây, có túi áo phía trước bên trái; 01 quần thun dài, màu xanh đen; 01 đôi dép bằng nhựa, màu trắng; 01 mũ bảo hiểm màu xanh, có sọc màu xanh - trắng - đỏ, hai bên mũ có lôgô ghi chữ “FRANCE”.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn Ch phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Lê Văn Ch có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại Nguyễn Thị Kim C1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Minh Đ, Trần Thanh H vắng mặt tại phiên tòa cũng được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh E;
- VKSND tỉnh E;
- Công An huyện B;
- VKSND huyện B;
- C1 cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....

Lê Thị Thu Hương